TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG.

Đơn vị: 32-PX Khai thác 2 - Hà Ráng

Tháng 9 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Mức LCB	Lương SP			Khoán phí	Lương phép		Lương 100%		PC trách nhiệm	PC AT VSV	Lương QS-ĐD		Lương HĐCĐ	Giờ PN	Lương AT	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	KN
				Công	Điểm	Lương		Công	Lương	Công	Lương			Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tham quan	Tiền ăn DV	Tiền ăn TĐ			
1	**01**	**Tổ quản lý**		**106**	**54.406,0**	**85.201.000**	**-14.724.000**	**2**	**503.462**	**15**	**3.626.808**					**870.000**	**81.629**		**75.558.899**	**2.497.000**	**468.400**	**312.400**	**755.600**	**275.000**			**4.380.000**			**8.688.400**	**66.870.499**	
1	HL-00196	Bùi Văn Thái	6.988.000	20	12.640,0	19.794.520	-2.945.000			3	806.308								17.655.828	559.100	104.900	69.900	176.600	55.000						965.500	16.690.328	
2	HL-00257	Đặng Cao Cường	6.545.000	16	8.512,0	13.329.980	-2.500.000	2	503.462	5	1.258.654								12.592.096	523.700	98.200	65.500	125.900	55.000						868.300	11.723.796	
3	HL-02872	Nguyễn Tuấn	6.261.000	28	15.876,0	24.862.167	-4.663.000			1	240.808								20.439.975	500.900	94.000	62.700	204.400	55.000			2.780.000			3.697.000	16.742.975	
4	HL-03118	Phạm Văn Dự	5.733.000	18	10.706,0	16.765.833	-3.144.000			5	1.102.500								14.724.333	458.700	86.000	57.400	147.200	55.000						804.300	13.920.033	
5	HL-00266	Nguyễn Thị Thanh Nga	5.682.000	24	6.672,0	10.448.500	-1.472.000			1	218.538					870.000	81.629		10.146.667	454.600	85.300	56.900	101.500	55.000			1.600.000			2.353.300	7.793.367	
2	**31**	**Tổ cơ điện lò**		**476**	**259.195,0**	**298.080.737**		**19**	**3.841.078**	**26**	**5.264.461**	**879.000**	**439.500**					**6.900.000**	**315.404.776**	**8.502.500**	**1.594.800**	**1.064.100**	**3.153.800**	**1.100.000**		**1.170.666**	**2.780.000**		**1.196.000**	**20.561.866**	**294.842.910**	
6	HL-00277	Lê Hữu Lý	7.704.000	23	11.247,5	12.934.909				1	296.308							500.000	13.731.217	616.400	115.600	77.100	137.300	55.000						1.001.400	12.729.817	
7	HL-00465	Nguyễn Quang Huynh	5.493.000	25	14.536,5	16.717.342		2	422.538	1	211.269	293.000	439.500					400.000	18.483.649	439.500	82.400	55.000	184.800	55.000						816.700	17.666.949	
8	HL-00472	Hồ Văn Giang	5.231.000	26	10.924,1	12.562.991				1	201.192							300.000	13.064.183	418.500	78.500	52.400	130.600	55.000						735.000	12.329.183	
9	HL-00496	Hoàng Văn Đại	5.231.000	25	15.819,1	18.192.364				1	201.192	293.000						400.000	19.086.556	418.500	78.500	52.400	190.900	55.000						795.300	18.291.256	
10	HL-00540	Nguyễn Hữu Hoan	5.186.000	22	13.514,6	15.542.074		1	199.462	1	199.462							400.000	16.340.998	414.900	77.800	51.900	163.400	55.000		356.000				1.119.000	15.221.998	
11	HL-00594	Cao Ngọc Kim	5.231.000	26	16.442,8	18.909.635		2	402.385	1	201.192							400.000	19.913.212	418.500	78.500	52.400	199.100	55.000						803.500	19.109.712	
12	HL-00613	Hoàng Quốc Nhàn	5.231.000	24	12.864,5	14.794.500		2	402.385	1	201.192							400.000	15.798.077	418.500	78.500	52.400	158.000	55.000						762.400	15.035.677	
13	HL-00680	Tạ Đình Long	4.982.000	27	17.383,1	19.990.946				1	191.615							400.000	20.582.561	398.600	74.800	49.900	205.800	55.000						784.100	19.798.461	
14	HL-00742	Phạm Trọng Duyệt	4.982.000	24	15.430,8	17.745.810				2	383.231	293.000						400.000	18.822.041	398.600	74.800	49.900	188.200	55.000						766.500	18.055.541	
15	HL-00801	Ngô Doãn Hợi	5.231.000	27	12.983,3	14.931.123				2	402.385							400.000	15.733.508	418.500	78.500	52.400	157.300	55.000						761.700	14.971.808	
16	HL-01269	Lê Minh Thuần	5.186.000	26	13.402,4	15.413.098				2	398.923							400.000	16.212.021	414.900	77.800	51.900	162.100	55.000						761.700	15.450.321	
17	HL-01336	Phạm Mạnh Hà	5.231.000	20	11.740,1	13.501.354		5	1.005.962	2	402.385							200.000	15.109.701	418.500	78.500	52.400	151.100	55.000			2.780.000			3.535.500	11.574.201	
18	HL-01526	Đoàn Thanh Tùng	4.982.000	18	10.866,0	12.496.174				1	191.615							200.000	12.887.789	398.600	74.800	49.900	128.900	55.000		407.333			624.000	1.738.533	11.149.256	
19	HL-01553	Nguyễn Anh Tuấn	4.745.000	27	11.748,0	13.510.497				1	182.500							400.000	14.092.997	379.700	71.200	47.500	140.900	55.000						694.300	13.398.697	
20	HL-02530	Phạm Văn Đông	4.745.000	20	11.633,0	13.378.244				2	365.000							200.000	13.943.244	379.700	71.200	47.500	139.400	55.000						692.800	13.250.444	
21	HL-04077	Phạm Đình Minh	5.231.000	19	9.630,6	11.075.433		7	1.408.346	1	201.192							200.000	12.884.971	418.500	78.500	52.400	128.800	55.000						733.200	12.151.771	
22	HL-04082	Bùi Thế Lữ	6.367.000	27	11.334,4	13.034.846				1	244.885							300.000	13.579.731	509.400	95.600	63.700	135.800	55.000						859.500	12.720.231	
23	HL-05089	Hoàng Đình Dũng	5.305.000	26	13.410,1	15.421.954				1	204.038							400.000	16.025.992	424.500	79.600	53.100	160.300	55.000						772.500	15.253.492	
24	HL-05105	Lương Mạnh Cường	5.231.000	24	14.544,2	16.726.197				2	402.385							400.000	17.528.582	418.500	78.500	52.400	175.300	55.000		407.333			572.000	1.759.033	15.769.549	
25	HL-06725	Lê Văn Hải	4.745.000	20	9.740,0	11.201.246				1	182.500							200.000	11.583.746	379.700	71.200	47.500	115.800	55.000						669.200	10.914.546	
3	**32**	**Tổ thợ lò**		**877**	**569.761,1**	**655.239.590**		**60**	**13.464.269**	**65**	**16.478.272**	**1.172.000**	**879.000**	**36**	**17.300.000**	**3.915.000**		**16.400.000**	**724.848.131**	**23.355.500**	**4.381.300**	**2.921.200**	**7.243.200**	**2.750.000**		**9.218.668**	**5.560.000**	**2.210.000**	**5.772.000**	**63.411.867**	**661.436.264**	
26	HL-00364	Lê Văn Bắc	6.367.000	5	2.606,0	2.996.966													2.996.966				30.000	55.000		259.000				344.000	2.652.966	
27	HL-00909	Lê Thanh Hóa	6.367.000					7	1.714.192	1	244.885								1.959.077				19.600	55.000						74.600	1.884.477	
28	HL-06721	Đặng Đình Nam	4.636.000	10	6.098,0	7.012.854												250.000	7.262.854				72.600	55.000		222.000			520.000	869.600	6.393.254	
29	HL-00289	Nguyễn Văn Hiển	7.704.000	23	15.651,9	18.000.080				1	296.308							500.000	18.796.388	616.400	115.600	77.100	188.000	55.000						1.052.100	17.744.288	
30	HL-01050	Lê Văn Nam	6.367.000	21	12.515,0	14.392.566				1	244.885							500.000	15.137.451	509.400	95.600	63.700	151.400	55.000		335.667			572.000	1.782.767	13.354.684	

Stt	SDB	Tên	Mức LCB	Lương SP			Khoán phí	Lương phép		Lương 100%		PC trách nhiệm	PC AT VSV	Lương QS-ĐD		Lương HĐCĐ	Giờ PN	Lương AT	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	KN
				Công	Điểm	Lương		Công	Lương	Công	Lương			Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tham quan	Tiền ăn DV	Tiền ăn TĐ			
31	HL-06716	Nguyễn Cảnh Điển	4.636.000	23	15.089,8	17.353.651				1	178.308							500.000	18.031.959	370.900	69.600	46.400	180.300	55.000		388.667				1.110.867	16.921.092	
32	HL-01381	Trần Văn Bình	5.305.000	24	17.921,2	20.609.832				1	204.038							500.000	21.313.870	424.500	79.600	53.100	213.100	55.000		423.250			546.000	1.794.550	19.519.320	
33	HL-01455	Triệu Duy Dũng	7.704.000	17	12.178,1	14.005.122				1	296.308			6	2.100.000			500.000	16.901.430	616.400	115.600	77.100	169.000	55.000						1.033.100	15.868.330	
34	HL-00554	Nguyễn Đình Hiếu	7.704.000	22	14.239,1	16.375.267				1	296.308							500.000	17.171.575	616.400	115.600	77.100	171.700	55.000		390.325		468.000		1.894.125	15.277.450	
35	HL-01239	Nguyễn Văn Toản	6.367.000	7	3.858,0	4.436.797		3	734.654	1	244.885			6	2.100.000				7.516.336	509.400	95.600	63.700	75.200	55.000						798.900	6.717.436	
36	HL-00269	Nguyễn Đình Chới	6.367.000	22	14.193,3	16.322.653				1	244.885							500.000	17.067.538	509.400	95.600	63.700	170.700	55.000						894.400	16.173.138	
37	HL-00295	Nguyễn Thái Hiếu	7.704.000	21	11.957,0	13.750.852				3	888.923	293.000				870.000			15.802.775	616.400	115.600	77.100	158.000	55.000						1.022.100	14.780.675	
38	HL-00335	Lê Văn Tới	7.704.000	24	13.608,0	15.649.544				3	888.923					1.305.000			17.843.467	616.400	115.600	77.100	178.400	55.000						1.042.500	16.800.967	
39	HL-00356	Ngô Duy Ngọc	7.704.000	20	11.753,0	13.516.247				1	296.308							500.000	14.312.555	616.400	115.600	77.100	143.100	55.000						1.007.200	13.305.355	
40	HL-00362	Lê Viết Thành	7.704.000	23	16.020,4	18.423.864				1	296.308							500.000	19.220.172	616.400	115.600	77.100	192.200	55.000		223.000				1.279.300	17.940.872	
41	HL-00380	Lương Văn Tập	7.704.000	21	13.305,6	15.301.776		2	592.615	1	296.308							500.000	16.690.699	616.400	115.600	77.100	166.900	55.000						1.031.000	15.659.699	
42	HL-00401	Lê Văn Trọng	5.305.000	16	6.346,0	7.298.060				1	204.038							250.000	7.752.098	424.500	79.600	53.100	77.500	55.000		606.333		260.000		1.556.033	6.196.065	
43	HL-00443	Bùi Văn Đỉnh	7.704.000	23	18.940,9	21.782.513				1	296.308	293.000	439.500					500.000	23.311.321	616.400	115.600	77.100	233.100	55.000		418.000				1.515.200	21.796.121	
44	HL-00510	Nguyễn Văn Điều	7.704.000	15	10.154,0	11.677.356				5	1.481.538	293.000				870.000			14.321.894	616.400	115.600	77.100	143.200	55.000						1.007.300	13.314.594	
45	HL-00520	Ngô Văn Hội	7.704.000	14	9.736,0	11.196.646				5	1.481.538	293.000							12.971.184	616.400	115.600	77.100	129.700	55.000		251.325				1.245.125	11.726.059	
46	HL-00568	Lê Quốc Sỹ	7.704.000							1	296.308			24	13.100.000				13.396.308	616.400	115.600	77.100	134.000	55.000						998.100	12.398.208	
47	HL-00569	Bùi Đức Trịnh	6.367.000	23	15.315,3	17.612.982				1	244.885							500.000	18.357.867	509.400	95.600	63.700	183.600	55.000		407.333			598.000	1.912.633	16.445.234	
48	HL-00724	Hoàng Văn Hiếu	7.704.000	17	10.529,0	12.108.616				3	888.923								12.997.539	616.400	115.600	77.100	130.000	55.000						994.100	12.003.439	
49	HL-00943	Đàm Văn Hội	6.367.000	21	15.991,8	18.390.974				1	244.885							500.000	19.135.859	509.400	95.600	63.700	191.400	55.000		388.667	2.780.000			4.083.767	15.052.092	
50	HL-01070	Nguyễn Đức Hưng	5.305.000	23	16.391,1	18.850.179				1	204.038							500.000	19.554.217	424.500	79.600	53.100	195.500	55.000						807.700	18.746.517	
51	HL-01072	Hoàng Văn Hoài	7.704.000	21	14.762,0	16.976.673				1	296.308							500.000	17.772.981	616.400	115.600	77.100	177.700	55.000		388.667			104.000	1.534.467	16.238.514	
52	HL-01145	Lê Trọng Đạt	7.704.000	21	15.242,9	17.529.662				1	296.308							500.000	18.325.970	616.400	115.600	77.100	183.300	55.000		439.333	2.780.000			4.266.733	14.059.237	
53	HL-01233	Nguyễn Văn Doanh	6.367.000	23	16.646,3	19.143.665				1	244.885		439.500			870.000		500.000	21.198.050	509.400	95.600	63.700	212.000	55.000						935.700	20.262.350	
54	HL-01236	Phạm Hữu Đông	6.367.000	20	14.008,1	16.109.611		3	734.654	1	244.885							500.000	17.589.150	509.400	95.600	63.700	175.900	55.000						899.600	16.689.550	
55	HL-01246	Trần Văn Thương	4.867.000	22	13.816,0	15.888.749				1	187.192							500.000	16.575.941	389.400	73.100	48.700	165.800	55.000		400.000			572.000	1.704.000	14.871.941	
56	HL-01257	Hoàng Trung Chiến	6.367.000	18	12.143,3	13.965.044		5	1.224.423	1	244.885							250.000	15.684.352	509.400	95.600	63.700	156.800	55.000						880.500	14.803.852	
57	HL-01311	Nguyễn Văn Mạnh	6.367.000	17	10.908,0	12.544.475				1	244.885							250.000	13.039.360	509.400	95.600	63.700	130.400	55.000		449.900				1.304.000	11.735.360	
58	HL-01361	Nguyễn Cao Thắng	6.367.000	24	17.994,9	20.694.589				1	244.885							500.000	21.439.474	509.400	95.600	63.700	214.400	55.000						938.100	20.501.374	
59	HL-01362	Nguyễn Xuân Thắng	6.367.000	21	14.718,0	16.926.072				1	244.885							500.000	17.670.957	509.400	95.600	63.700	176.700	55.000		431.333				1.331.733	16.339.224	
60	HL-01881	Nguyễn Văn Thuyết	6.367.000	6	2.550,0	2.932.564		12	2.938.615	1	244.885								6.116.064	509.400	95.600	63.700	61.200	55.000						784.900	5.331.164	
61	HL-02071	Lê Mạnh Hiển	7.704.000	24	11.642,4	13.389.054				2	592.615							500.000	14.481.669	616.400	115.600	77.100	144.800	55.000						1.008.900	13.472.769	
62	HL-02605	Trắng Văn Mạnh	6.367.000	21	14.386,1	16.544.321		1	244.885	1	244.885							500.000	17.534.091	509.400	95.600	63.700	175.300	55.000		281.667		442.000		1.622.667	15.911.424	
63	HL-02718	Trắng Văn Hùng	5.305.000	21	13.696,2	15.750.976		1	204.038	1	204.038							500.000	16.659.052	424.500	79.600	53.100	166.600	55.000		281.667		442.000		1.502.467	15.156.585	
64	HL-04345	Nguyễn Xuân Tình	5.305.000	11	6.492,0	7.465.964		2	408.077	1	204.038							250.000	8.328.079	424.500	79.600	53.100	83.300	55.000						695.500	7.632.579	
65	HL-05338	Nguyễn Hữu Ngà	5.305.000	18	10.679,0	12.281.120				1	204.038							250.000	12.735.158	424.500	79.600	53.100	127.400	55.000						739.600	11.995.558	
66	HL-05406	Nguyễn Văn Hùng	5.305.000	8	4.832,0	5.556.922		12	2.448.462	1	204.038								8.209.422	424.500	79.600	53.100	82.100	55.000						694.300	7.515.122	
67	HL-05450	Phạm Xuân Hạnh	4.982.000	23	15.191,0	17.470.033				1	191.615							400.000	18.061.648	398.600	74.800	49.900	180.600	55.000		269.000			598.000	1.625.900	16.435.748	

Stt	SDB	Tên	Mức LCB	Lương SP			Khoán phí	Lương phép		Lương 100%		PC trách nhiệm	PC AT VSV	Lương QS-ĐD		Lương HĐCĐ	Giờ PN	Lương AT	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	KN
				Công	Điểm	Lương		Công	Lương	Công	Lương			Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tham quan	Tiền ăn DV	Tiền ăn TĐ			
68	HL-05579	Nguyễn Đa Bến	5.305.000	22	14.115,2	16.232.779				1	204.038							500.000	16.936.817	424.500	79.600	53.100	169.400	55.000						781.600	16.155.217	
69	HL-05775	Đinh Văn Đại	4.867.000	3	1.670,0	1.920.542		9	1.684.731	4	748.769								4.354.042	389.400	73.100	48.700	43.500	55.000		216.000			52.000	877.700	3.476.342	
70	HL-05936	Bùi Đăng Mừng	5.305.000	13	7.499,0	8.624.039				1	204.038							250.000	9.078.077	424.500	79.600	53.100	90.800	55.000		472.333		338.000		1.513.333	7.564.744	
71	HL-05952	Chử Văn Khoa	4.867.000	25	16.714,5	19.222.097				1	187.192							500.000	19.909.289	389.400	73.100	48.700	199.100	55.000		223.000			572.000	1.560.300	18.348.989	
72	HL-06006	Trần Xuân Trường	4.636.000	19	11.175,0	12.851.532		3	534.923	1	178.308							500.000	14.064.763	370.900	69.600	46.400	140.600	55.000		347.000			468.000	1.497.500	12.567.263	
73	HL-06858	Trần Văn Tiến	4.636.000	22	13.544,0	15.575.884				1	178.308							500.000	16.254.192	370.900	69.600	46.400	162.500	55.000		443.200			624.000	1.771.600	14.482.592	
74	HL-06898	Phạm Văn Thông	4.636.000	18	10.483,0	12.055.715				1	178.308							250.000	12.484.023	370.900	69.600	46.400	124.800	55.000		262.000			546.000	1.474.700	11.009.323	
75	HS19-312	Lê Văn Toàn		1	454,0	522.111													522.111					55.000				260.000		315.000	207.111	
4	**35**	**Tổ phục vụ - phụ trợ NL**		**139**	**40.587,0**	**46.676.073**		**17**	**5.037.231**	**6**	**1.350.462**						**102.639**		**53.166.405**	**2.809.200**	**527.000**	**351.400**	**531.700**	**330.000**	**1.188.000**	**524.000**	**2.800.000**		**780.000**	**9.841.300**	**43.325.105**	
76	HL-00301	Hoàng Văn Thắng	6.367.000	28	8.409,0	9.670.562				1	244.885								9.915.447	509.400	95.600	63.700	99.200	55.000	396.000	262.000			416.000	1.896.900	8.018.547	
77	HL-00322	Phạm Hồng Thứ	7.704.000	7	2.184,0	2.511.655		17	5.037.231	1	296.308								7.845.194	616.400	115.600	77.100	78.500	55.000						942.600	6.902.594	
78	HL-00535	Bùi Đức Thông	5.231.000	28	10.158,0	11.681.956				1	201.192								11.883.148	418.500	78.500	52.400	118.800	55.000	396.000					1.119.200	10.763.948	
79	HL-00773	Lê Thị Hoa	4.377.000	24	6.000,0	6.900.151				1	168.346						53.907		7.122.404	350.200	65.700	43.800	71.200	55.000			1.400.000			1.985.900	5.136.504	
80	HL-01318	Bùi Ngọc Thắng	6.367.000	28	8.412,0	9.674.012				1	244.885								9.918.897	509.400	95.600	63.700	99.200	55.000	396.000	262.000			364.000	1.844.900	8.073.997	
81	HL-01974	Trương Thị Hằng	5.066.000	24	5.424,0	6.237.737				1	194.846						48.732		6.481.315	405.300	76.000	50.700	64.800	55.000			1.400.000			2.051.800	4.429.515	
Tổng cộng				**1.598**	**923.949,0**	**1.085.197.400**	**-14.724.000**	**98**	**22.846.040**	**112**	**26.720.003**	**2.051.000**	**1.318.500**	**36**	**17.300.000**	**4.785.000**	**184.268**	**23.300.000**	**1.168.978.211**	**37.164.200**	**6.971.500**	**4.649.100**	**11.684.300**	**4.455.000**	**1.188.000**	**10.913.334**	**15.520.000**	**2.210.000**	**7.748.000**	**102.503.433**	**1.066.474.778**	

Quảng Ninh, Ngày 24 Tháng 10 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**